

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-PT  
Ngày 25-10-2018  
V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Nhung

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Hữu Sỹ

Bà Từ Thị Hải Dương

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Đoàn Quang Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2018/TLPT-DS ngày 20/8/2018 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 11/7/2018 của TAND huyện Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 860/2018/QĐ-PT ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (đã chết ngày 08/9/2018).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:*

Bà Đào Thị H, sinh năm 1982 (vợ của ông Nguyễn Văn T) và các con là Nguyễn Đức A, sinh năm 2005, Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 2016 (con của ông Nguyễn Văn T). Bà Đào Thị H là người giám hộ.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Minh T trình bày:*

Tháng 6/1992, gia đình ông được Ban quản lý Hợp tác xã V và UBND xã V cho phép khai hoang vùng đất sát chân lèn Áng Sơn mà hiện nay Nhà nước đã bồi thường cho Nguyễn Văn T, với diện tích 3,5 ha có tứ cạnh:

- Phía Đông Nam giáp vườn đất trồng cao su của Nông trường L;
- Phía Tây Nam giáp chân lèn núi đá Áng Sơn;
- Phía Tây Bắc giáp đất ông Đỗ Xuân L ;
- Phía Bắc giáp canh mương nước Cẩm Ly;

Sau khi khai hoang lập nghiệp, ông đã trồng trên đất cây ngắn ngày, cây dài ngày và vành đai gồm: cây mít, cây trà hoa vàng và làm ngôi nhà tạm để ở với diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>, lợp mái tranh. Năm 1994, ông đưa bố mẹ vào ở, lúc đó em Nguyễn Văn T còn nhỏ ở chung với bố mẹ.

Năm 1997, Nguyễn Văn T bỏ vào miền Nam làm ăn đến năm 2003 T về cùng ở với bố mẹ. Năm 2005, T cưới vợ và ông cho vợ chồng T và bố mẹ ông mượn toàn bộ để ở và sản xuất với diện tích 11,238,9m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp và 200m<sup>2</sup> đất ở, T đã chặt cây cối ông trồng trên đất và sử dụng sản xuất từ năm 2005 đến khi bồi thường; nếu vợ chồng T đối xử tốt với bố mẹ thì ông sẽ giao lại 1/2 diện tích đất cho vợ chồng T, nhưng vì vợ chồng T đối xử với bố mẹ ông không ra gì nên ông không đồng ý giao diện tích đất trên.

Năm 2015, có chương trình đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng của các hộ dân ảnh hưởng ô nhiễm môi trường xung quanh nhà máy xi măng Áng Sơn, mảnh đất của ông khai hoang được đền bù toàn bộ tài sản trên đất kể cả vật kiến trúc, ao, hồ tổng giá trị là 3.173.352.000 đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường hỗ trợ về đất 2.260.170.000đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Bồi thường tài sản trên đất 648.282.000đồng (Sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng);
- Các khoản hỗ trợ khác 112.900.000đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Tháng 6 năm 2015, ông yêu cầu đứng tên nhưng Nguyễn Văn T không chấp nhận nên ông khởi kiện ra Ủy ban nhân xã V, UBND xã giải quyết nên Nguyễn Văn T làm văn bản thỏa thuận, T là người đứng ra làm thủ tục nhận tiền bồi thường, sau đó T giao lại 50% số tiền là 1.206.000.000đồng (Một tỷ hai trăm linh

sáu triệu đồng). Sau khi nhận tiền xong, T giao qua tay cho ông 200.000.000đ, còn lại 980.085.000đồng T không trả cho ông như đã thỏa thuận.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Văn T phải trả cho ông số tiền 980.085.000 đồng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông.

*Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Bố mẹ ông là ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị N ăn ở ổn định trên đất tại thôn A, xã V đã được nhà nước cấp năm 1996, đến năm 2003 do bố mẹ già yếu sáu anh em thống nhất giao cho ông thừa kế đất và tài sản trên đất tại thửa đất 348, tờ bản đồ số 30 tại thôn A, xã V, diện tích đất ở 200m<sup>2</sup>, đất sản xuất nông nghiệp liền kề có diện tích 11.238m<sup>2</sup> cấp vào năm 2003 mang tên Nguyễn Văn T và Đào Thị H. Gia đình ông sống và sản xuất ổn định từ đó cho đến nay không có tranh chấp trên đất có trồng cây tràm hoa vàng, cao su, mía, ao hồ nuôi cá, ruộng trồng lúa và một số cây ăn quả.

Năm 2015, dự án đền bù để xây dựng nhà máy xi măng Áng Sơn, gia đình ông được bồi thường tổng số tiền là 3.173.352.000đồng (Ba tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó đất ở 52.000.000 đồng; đất BHK (đất sản xuất nông nghiệp) 393.362.000 đồng; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề, việc làm đất BHK 1.966.808.000 đồng; tài sản trên đất 648.282.000đồng. Sau khi nhận tiền ông đã chia cho 8 chị em, mỗi người 30.000.000 đồng, làm lễ cho bố mẹ 100.000.000đồng, ủng hộ nhà thờ họ 10.000.000 đồng. Riêng anh T ông đã đưa 230.000.000 đồng. Còn về biên bản thỏa thuận ngày 22/6/2015 tại UBND xã V giữa ông và ông T là do tình cảm anh em nên anh mới làm biên bản thỏa thuận.

Nay, ông T khởi kiện tại Tòa án yêu trả số tiền 980.085.000 đồng ông không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết, xét xử vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L (vợ ông Nguyễn Minh T) trình bày:* Bà nhất trí về quá trình khai hoang và sử dụng đất đúng như ông Nguyễn Minh T chồng bà trình bày. Năm 2015, Nhà máy xi măng Vicem Hải Vân bồi thường do ô nhiễm môi trường để giải phóng mặt bằng toàn bộ đất và tài sản trên đất với tổng giá trị là 3.173.352.000 đồng (Ba tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền đất là 2.360.170.000 đồng. Tháng 6/2015 chồng bà và Nguyễn Văn T làm văn bản thỏa thuận, T là người đứng tên ra làm thủ tục nhận tiền bồi thường hỗ trợ sau đó ông T giao cho chồng bà 50% giá trị đất là 1.180.000.000 đồng (một nửa diện tích đất của vợ chồng bà). Sau khi nhận tiền bồi thường T không giao tiền cho vợ chồng ông như đã thỏa thuận. Nên chồng bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Nguyễn Văn T phải trả một nửa số tiền mà hai bên đã thỏa thuận là 1.180.000đồng, vợ chồng bà đã nhận 200.000.000 đồng, còn lại 980.085.000 đồng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho vợ chồng bà.

*Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2017 bà Đào Thị H (vợ ông Nguyễn Văn T) trình bày: Bà thống nhất về nguồn gốc, quá trình sản xuất canh tác và bồi thường đúng như anh Nguyễn Văn T trình bày. Nay, ông Nguyễn Minh T khởi kiện tại Tòa án yêu trả số tiền 980.085.000 đồng bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Những người làm chứng: bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H (vợ ông Nguyễn Văn A), ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị S (vợ ông Nguyễn Thế M) đều trình bày ông Nguyễn Văn T làm đơn khởi kiện đòi lại số tiền đền bù giải phóng mặt bằng do ô nhiễm môi trường mà ông Nguyễn Văn T đã nhận các ông, bà không có liên quan gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại Công văn số 15/TTPTQĐ ngày 23/3/2018, của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh cung cấp: Đối tượng được hưởng bồi thường hỗ trợ chuyển đổi nghề, việc làm là hộ cá nhân gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại Điều 9, Điều 20 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 84 Luật đất đai. Theo hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của ông Nguyễn Văn T đã được UBND huyện Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 thì thửa đất được bồi thường, hỗ trợ là thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30 với diện tích 11.348,9m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 11.238,9m<sup>2</sup>, người sử dụng đất và người trực tiếp sản xuất trên thửa đất nêu trên là hộ ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị H (vợ ông T). Thửa đất trên có nguồn gốc do bố mẹ của ông Nguyễn Văn T khai hoang, làm nhà ở và sản xuất nông nghiệp từ tháng 8/1992; đến năm 2003 thì bố, mẹ, anh, em của gia đình ông Nguyễn Văn T có văn bản giao quyền sử dụng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị H (vợ ông T) toàn quyền sử dụng. *(Có đơn xin thừa kế ngày 21/10/2003 của gia đình ông T được bố mẹ, anh em trong gia đình ông T nhất trí ký tên và được UBND xã Vạn Ninh xác nhận và xác nhận lại ngày 06/8/2015; Công văn số 63/CV-UBND ngày 08/9/2015 của UBND xã Vạn Ninh; Công văn số 72/UBND ngày 26/9/2015 của UBND xã Vạn Ninh; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 21/8/2015).*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/TCDS-ST ngày 11/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã quyết định:

- Áp dụng Điều 117 và Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 84 Luật Đất đai; Điều 9, Điều 20 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị H phải trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 980.085.000 đồng (Chín trăm tám mươi triệu, không trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu 49.004.000 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm linh bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 41.400.000 đồng (Bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) ông T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2015/0001085 ngày 23/11/2017 ; ông T phải nộp tiếp 7.604.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ do chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/07/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Minh T kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện, buộc ông Nguyễn Văn T trả lại số tiền 980.085.000 đồng và xem xét lại phần án phí sơ thẩm.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 ông Nguyễn Minh T làm đơn xin miễn giảm án phí với lý do bản thân ông ngoài 60 tuổi, theo quy định thì ông được diện miễn giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Đào Thị H yêu cầu giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Người kháng cáo ông Nguyễn Minh T, giữ nguyên nội dung yêu cầu đơn kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

+ Về thủ tục tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn để sửa án sơ thẩm về án phí, y án sơ thẩm về nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 08/9/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn T (chết), bà Đào Thị H là vợ ông T và các con tham gia kế thừa

quyền, nghĩa vụ tố tụng theo khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó tư cách tham gia tố tụng của bà H từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành bị đơn trong vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện, buộc ông Nguyễn Văn T trả lại số tiền 980.085.000 đồng, theo nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy; ông Nguyễn Văn T, bà Đào Thị H là chủ sử dụng đất cũng là người trực tiếp sản xuất tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 30 với diện tích 11.438,9 m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 11.238,9m<sup>2</sup>) được UBND huyện Quảng Ninh phê duyệt hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 02/10/2015. Do đó, các hộ dân bị ảnh hưởng ô nhiễm môi trường xung quanh trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đào Thị H được bồi thường hỗ trợ về đất: 2.412.170.000 đồng (Đất ONT-VT3-KV3 khu vực vùng ven 200 m<sup>2</sup> giá 52.000.000 đồng; Đất BHK – VT1 11238,90m<sup>2</sup> giá 393.362.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề, việc làm đất BHK 11238,90m<sup>2</sup> giá 1.966.808.000 đồng); bồi thường tài sản trên đất: 648.282.000 đồng. Tổng cộng: 3.173.352.000 đồng. Tại Biên bản thỏa thuận ngày 22/6/2015 về phân chia tài sản giữa hai hộ ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Văn T đã thỏa thuận “Về giá trị đền bù đất, sản xuất đất nông nghiệp liền kề với đất ở ông Nguyễn Văn T hưởng 50% còn lại 50% ông Nguyễn Minh T hưởng do có công khai hoang phục hóa”(BL16).

Như vậy, theo biên bản thỏa thuận nêu trên thì ông Nguyễn Minh T chỉ hưởng ½ của số tiền đền bù mà ông Nguyễn Văn T đã nhận tại ban giải phóng mặt bằng về khoản tiền đền bù đất sản xuất nông nghiệp với số tiền 393.362.000 đồng thì ông Nguyễn Minh T đã nhận 200.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn T là vượt quá số tiền các bên đã thỏa thuận. Bản án sơ thẩm đã phân tích đánh giá các chứng cứ có tại hồ sơ để không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh T cũng không đưa ra các chứng cứ mới gì thêm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T mà cần giữ y án sơ thẩm.

[3 ]. Về án phí: Ngày 23 tháng 8 năm 2018 ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xem xét giảm án phí cho ông vì ông thuộc đối tượng người cao tuổi. Theo đơn xin miễn án phí của ông T thì thấy rằng tại khoản 1 điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định: những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

“..... người cao tuổi.....”. Như vậy ông Nguyễn Minh T thuộc đối tượng là người cao tuổi cũng được thể hiện tại Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009 là “ ..... công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do đó căn cứ các quy định đã nêu trên thì trong trường hợp này, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để miễn toàn bộ án

phí dân sơ thẩm cho ông T. Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền 41.400.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Minh T đã nộp theo các biên lai số AA/2015/0001085 ngày 23 tháng 11 năm 2017 và biên lai số AA/2017 000 4610 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, để sửa án sơ thẩm về án phí; giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Áp dụng Điều 117 và Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 84 Luật Đất đai; Điều 9, Điều 20 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Y án sơ thẩm, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T buộc vợ chồng bà Đào Thị H ( bà Đào Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T) trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 980.085.000 đồng (Chín trăm tám mươi triệu, không trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Sửa bản án sơ thẩm về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Trả lại khoản tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm 41.400.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Nguyễn Minh T đã nộp theo các biên lai số AA/2015/0001085 ngày 23 tháng 11 năm 2017 và biên lai số AA/2017 000 4610 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P 9);
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Võ Thị Kim Nhung**